

Số: 131/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC HỖ TRỢ LÃI SUẤT CHO CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VAY VỐN NGÂN HÀNG ĐỂ SẢN XUẤT – KINH DOANH

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Ngân hàng nhà nước ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng nhà nước ngày 17 tháng 6 năm 2003;
Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 15 tháng 6 năm 2004;
Căn cứ Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh, xã hội;
Xét đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trong năm 2009, Nhà nước hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức, cá nhân vay vốn ngân hàng để sản xuất – kinh doanh, nhằm giảm giá thành sản phẩm hàng hóa, duy trì sản xuất, kinh doanh và tạo việc làm, trong điều kiện nền kinh tế bị tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Các tổ chức tín dụng cho vay vốn đối với các tổ chức, cá nhân (gọi chung là khách hàng vay) theo quy định của pháp luật, bao gồm: các ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, ngân hàng 100% vốn nước ngoài và Quỹ Tín dụng nhân dân trung ương (dưới đây gọi chung là ngân hàng thương mại).

2. Các khoản **vay ngắn hạn** ngân hàng bằng đồng Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng **được ký kết và giải ngân trong năm 2009** của các tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình ...), cá nhân **để làm vốn lưu động** sản xuất – kinh doanh, được thống kê tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chế độ báo cáo thống kê; trừ các khoản vay thuộc ngành, lĩnh vực theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Nguyên tắc, thời hạn, số tiền vay và mức lãi suất hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ lãi suất là các ngân hàng thương mại **cho vay các nhu cầu vốn lưu động để hoạt động sản xuất – kinh doanh** theo cơ chế tín dụng thông thường và thực hiện hỗ trợ lãi suất theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; không được từ chối hỗ trợ lãi suất, nếu khoản vay thuộc đối tượng được hỗ trợ lãi suất; định kỳ báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để kiểm tra, giám sát tình hình hỗ trợ lãi suất.

2. Thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất **tối đa là 08 tháng** đối với các khoản vay theo hợp đồng tín dụng được ký kết và giải ngân trong khoảng thời gian từ ngày **01 tháng 02 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009**.

3. Mức lãi suất hỗ trợ cho khách hàng vay là **4%/năm**, tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế nằm trong khoảng thời gian quy định tại khoản 2 Điều này; **khi thu lãi cho vay, các ngân hàng thương mại giảm trừ số tiền lãi phải trả cho khách hàng vay**.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghiêm Quyết định này.**

3. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại và khách hàng vay

a) Đối với ngân hàng thương mại:

- Thực hiện việc hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Trong 10 ngày đầu tháng 02 năm 2009, gửi giấy đăng ký và kế hoạch hỗ trợ lãi suất cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và thực hiện ngay việc hỗ trợ lãi suất cho khách hàng vay;

- Áp dụng cơ chế và lãi suất cho vay thông thường khi ký kết hợp đồng tín dụng; **đến kỳ hạn thu lãi tiền vay của khách hàng, các ngân hàng thương mại thực hiện việc giảm trừ số tiền lãi bằng 4%/năm tính trên số tiền vay và thời hạn cho vay thực tế phát sinh trong năm 2009**; các ngân hàng thương mại được hoàn trả số tiền lãi giảm trừ này từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên cơ sở báo cáo định kỳ hàng quý;

- Ngày 10 của tháng đầu quý gửi báo cáo số tiền hỗ trợ lãi suất và đăng ký số tiền hỗ trợ lãi suất của quý tiếp theo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) Khách hàng vay thuộc đối tượng hỗ trợ lãi suất gửi giấy đề nghị hỗ trợ lãi suất cho các ngân hàng thương mại nơi vay vốn để được hỗ trợ lãi suất.

4. Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Sinh Hùng

PHỤ LỤC

CÁC KHOẢN VAY NGÂN HÀNG NGẮN HẠN (**VỐN LƯU ĐỘNG**) BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM CỦA KHÁCH HÀNG VAY KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG HỖ TRỢ LÃI SUẤT ĐƯỢC THỐNG KÊ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC
(Ban hành kèm theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Ngành Công nghiệp khai thác mỏ.
2. Hoạt động tài chính.
3. Ngành quản lý nhà nước và an ninh quốc phòng, Đảng, đoàn thể, bảo đảm xã hội bắt buộc.
4. Giáo dục và đào tạo.
5. Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội.
6. Hoạt động văn hóa, thể thao.
7. Hoạt động liên quan đến kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn (trừ hoạt động đầu tư xây dựng nhà cho người có thu nhập thấp).
8. Hoạt động phục vụ cá nhân và công cộng (bao gồm cả cho vay thông qua thẻ tín dụng).
9. Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình.
10. Hoạt động các tổ chức quốc tế.
11. Nhập khẩu những mặt hàng tiêu dùng.
12. Đầu tư và kinh doanh chứng khoán.
13. Kinh doanh bất động sản dưới hình thức mua, bán quyền sử dụng đất.